

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN GIO LINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 741 / BC-UBND

Gio Linh, ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO

Công tác bảo vệ môi trường huyện Gio Linh năm 2024

Kính gửi: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Trị

Thực hiện Công văn số 5835/STNMT-CCBVMT ngày 23/12/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc hoàn thiện báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2024. UBND huyện báo cáo công tác bảo vệ môi trường huyện Gio Linh năm 2024, cụ thể như sau:

I. BỐI CẢNH CHUNG KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ CÁC TÁC ĐỘNG CHÍNH ĐẾN MÔI TRƯỜNG

1.1. Tình hình kinh tế - xã hội

Năm 2024, mặc dù gặp nhiều khó khăn, thách thức, nhưng dưới sự chỉ đạo của UBND tỉnh, Ban Thường vụ Huyện ủy, sự hỗ trợ, hướng dẫn của các sở, ban ngành cấp tỉnh, UBND huyện đã tổ chức thực hiện quyết liệt nhiều nhiệm vụ, giải pháp, kết quả cụ thể trên tất cả các lĩnh vực như sau:

* *Tình hình kinh tế:*

- Sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp:
 - + Tổng diện tích gieo trồng 11.459,7 ha (trong đó, lúa 8.736,5 ha)
 - + Cây lâu năm hiện có: cao su 6.427,64 ha, hồ tiêu 382,2 ha.
 - + Chăn nuôi tiếp tục ổn định, tổng đàn trâu 2.655 con, đàn bò 7.296 con, đàn lợn 21.016 con và đàn gia cầm là 472.400 con.
 - + Thực hiện tốt công tác quản lý, bảo vệ và phòng cháy, chữa cháy rừng, hoàn thiện các hồ sơ trồng rừng phân tán năm 2024. Diện tích rừng trồng mới đạt 560,7 ha, gieo ươm hơn 2,7 triệu cây giống.
 - + Tổng diện tích nuôi trồng thủy sản là 668,55 ha.
 - + Toàn huyện có 38 HTX với 3.205 thành viên hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp; có trên 120 Tổ hợp tác với 7.180 thành viên.
- Công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp: Sản xuất công nghiệp tiếp tục ổn định. Giá trị sản xuất công nghiệp là 1.784.356.400 đồng.
- Thương mại dịch vụ: Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ 2.287.342.830 đồng, trong đó, bán lẻ hàng hóa 1.451.571.000 đồng, lưu trú và ăn uống 768.094.000 đồng, dịch vụ khác 67.677.830 đồng.

* *Văn hóa - xã hội:*

Tiếp tục triển khai thực hiện chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2030. Chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị, các địa phương triển khai thực hiện công tác trang trí khánh tiết, tuyên truyền cổ động trực quan chào mừng kỷ niệm các ngày lễ lớn và sự kiện lịch sử quan trọng của quê hương, đất nước. Thực hiện có hiệu quả công tác xây dựng văn hóa cơ sở, phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”.

Triển khai, chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương phối hợp xử lý phản ánh hiện trường. Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết 02 của Tỉnh ủy và Chương trình hành động số 05 của Huyện ủy về chuyển đổi số quốc gia; ban hành quy chế hoạt động Ban chỉ đạo chuyển đổi số huyện; triển khai thực hiện Đề án chuyển đổi số huyện giai đoạn 2023-2025, định hướng 2030.

1.2. Các tác động chính đến môi trường

Gio Linh là một trong những huyện vùng đồng bằng của tỉnh Quảng Trị, có dân số khá đông, điều kiện tự nhiên thuận lợi cho việc phát triển các lĩnh vực kinh tế như thương mại - dịch vụ, CN – TTCN và nông nghiệp. Do đó, quá trình phát triển kinh tế đã và đang có những tác động lên môi trường, ảnh hưởng đến cuộc sống người dân, cụ thể:

- CTR sinh hoạt phát sinh ngày càng nhiều, công tác thu gom, vận chuyển và xử lý chưa đảm bảo.

- Một phần nước thải, chất thải rắn phát sinh từ hoạt động chăn nuôi, giết mổ gia súc, nuôi tôm trên cát quy mô hộ gia đình chưa được thu gom và xử lý triệt để gây nguy cơ ô nhiễm nước mặt, đất và nước dưới đất.

II. BÁO CÁO CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

2.1. Hiện trạng, diễn biến chất lượng môi trường

2.1.1. Môi trường không khí

Để đánh giá chất lượng không khí và độ ồn trên địa bàn huyện Gio Linh năm 2024 phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Gio Linh đã phối hợp với Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường Quảng Trị tiến hành đo đạc, lấy mẫu phân tích tại 02 vị trí gồm: KK1 (tại cổng ra vào của khu công nghiệp Quán Ngang) và KK2 (tại ngã ba Quốc lộ 1A - đường 75 Tây), kết quả như sau:

Bảng 1. Kết quả quan trắc chất lượng môi trường không khí

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả		QCVN 05:2023/ BTNMT
			KK1	KK2	
1	Độ ồn	dB(A)	68,8	68,5	70 ⁽¹⁾
2	Bụi lơ lửng	µg/m ³	220	200	300
3	SO ₂	µg/m ³	24	28	350
4	NO ₂	µg/m ³	24	27	200
5	CO	µg/m ³	KPH	KPH	30.000

Ghi chú:

+ QCVN 05:2023/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh;

+ ⁽¹⁾: QCVN 26:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;

+ KPH: Không phát hiện; Thời điểm lấy mẫu: 24/9/2024

Kết quả tại bảng 1 cho thấy, tất cả các thông số quan trắc đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 05:2023/BTNMT và QCVN 26:2010/BTNMT.

Để có đánh giá tổng quan và chính xác hơn về chất lượng môi trường không khí, Báo cáo sử dụng số liệu từ Chương trình Quan trắc Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Trị năm 2024. Trên địa bàn huyện Gio Linh có 02 vị trí quan trắc, bao gồm: K24 (tại ngã ba Quán Phượng - thị trấn Gio Linh), K27 (tại ngã ba cầu Cửa Việt - thị trấn Cửa Việt), kết quả như sau:

Bảng 2. Chất lượng môi trường không khí theo Chương trình quan trắc TNMT

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả		QCVN 05:2023/ BTNMT
			K24	K27	
1	Độ ồn	dB(A)	68,5	68	70 ⁽¹⁾
2	Bụi lơ lửng	µg/m ³	289	217	300
3	SO ₂	µg/m ³	23	24	350
4	NO ₂	µg/m ³	29	20	200
5	CO	µg/m ³	KPH	KPH	30.000

Ghi chú:

+ QCVN 05:2023/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh;

+ ⁽¹⁾: QCVN 26:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;

+ Thời gian lấy mẫu: 9/2024; KPH: Không phát hiện.

Kết quả tại bảng 2 cho thấy, tất cả các thông số quan trắc đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 05:2023/BTNMT và QCVN 26:2010/BTNMT.

2.1.2. Môi trường nước mặt

Để đánh giá chất lượng môi trường nước mặt, Báo cáo sử dụng số liệu từ Chương trình quan trắc Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Trị năm 2024. Trên địa bàn huyện có 03 vị trí quan trắc gồm: mẫu nước sông Cánh Hòm, tại thôn Xuân Mỹ, xã Trung Hải (CH1); mẫu nước sông Cánh Hòm, tại thôn Lại An, xã Gio Mỹ (CH2) và mẫu nước sông Bến Hải, tại Trạm thủy văn Gia Vòng, xã Vĩnh Trường (BH1). Kết quả quan trắc như sau:

Bảng 3. Chất lượng nước mặt theo Chương trình Quan trắc TNMT

TT	Thông số	ĐVT	Kết quả			Mức phân loại chất lượng nước theo QCVN 08:2023/BTNMT (Bảng 2)			
			CH1	CH2	BH1	A	B	C	D
1	pH	-	7,3	7,4	7,2	6,5-8,5	6,0-8,5	6,0-8,5	<6,0 hoặc >8,5
2	DO	mg/l	6,3	6,2	6,3	≥6,0	≥5,0	≥4,0	≥2,0
3	TSS	mg/l	12	10	9,2	≤25	≤100	>100 không có rác nổi	>100 và có rác nổi

4	BOD ₅	mg/l	2,2	2,0	1,6	≤4	≤6	≤10	>10
5	COD	mg/l	11	13	6	≤10	≤15	≤20	>20
6	PO ₄ ³⁻ - P	mg/l	KPH	KPH	KPH	-	-	-	-
7	NO ₃ ⁻ - N	mg/l	0,16	0,12	0,64	-	-	-	-
8	NH ₄ ⁺ - N	mg/l	KPH	KPH	KPH	-	-	-	-
10	Fe	mg/l	0,05	0,07	0,28	-	-	-	-
11	Coliform	MPN/ 100ml	1.298	1.445	945	≤1.000	≤5.000	≤7.500	>7.500
12	E.Coli	MPN/ 100ml	10	11	9	-	-	-	-

Ghi chú:

+ QCVN 08:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt (mức A: chất lượng nước tốt; mức B: chất lượng nước trung bình; mức C: chất lượng nước xấu; mức D: chất lượng nước rất xấu);

+ Thời gian lấy mẫu: tháng 9/2024; KPH: Không phát hiện.

Kết quả tại bảng 3 cho thấy, tất cả các thông số quan trắc đều đạt ở mức A và B của QCVN 08:2023/BTNMT.

2.1.3. Môi trường nước dưới đất

Để đánh giá chất lượng môi trường nước dưới đất trên địa bàn huyện Gio Linh năm 2024 phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Gio Linh đã phối hợp với Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường Quảng Trị tiến hành đo đạc, lấy mẫu phân tích tại 04 vị trí, bao gồm: NDD1 (tại giếng khoan của hộ bà Lê Hòa, thôn Hải Chữ, xã Trung Hải), NDD2 (tại giếng khoan của hộ ông Nguyễn Hữu Mẫn, thôn Lại An, xã Gio Mỹ), NDD3 (tại giếng khoan của hộ ông Trần Ngọc Đình, đường Nguyễn Văn Linh, khu phố 6, thị trấn Gio Linh) và NDD4 (tại giếng khoan của hộ ông Đặng Đông, thôn Mai Xá, xã Gio Mai). Kết quả quan trắc như sau:

Bảng 4. Kết quả quan trắc chất lượng môi trường nước dưới đất

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả				QCVN 09:2023/ BTNMT
			NDD1	NDD2	NDD3	NDD4	
1	pH	-	7,2	5,6	5,8	5,8	5,5-8,5
2	TDS	mg/L	266	289	75	136	1.500
3	Độ cứng	mgCaCO ₃ /l	73	18	38	16	500
4	Clorua	mg/L	25	30	11	18	250
5	NH ₄ -N	mg/L	KPH	0,23	0,32	KPH	1
6	NO ₃ -N	mg/L	1,59	0,48	1,24	1,36	15
7	Fe	mg/L	0,08	13,8	0,14	0,16	5
8	E.coli	MNP/100ml	KPH	KPH	KPH	KPH	-
9	Coliform	MNP/100ml	KPH	KPH	KPH	KPH	3

Ghi chú:

+ QCVN 09:2023/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất;

+ Thời gian lấy mẫu: 24/9/2024.

+ KPH: Không phát hiện; (-): Không quy định.

Kết quả tại bảng 4 cho thấy, hầu hết các thông số quan trắc đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 09:2023/BTNMT. Tuy nhiên, giá trị pH tại các vị trí NĐĐ2, NĐĐ3, NĐĐ4 khá thấp và hàm lượng Fe tại vị trí NĐĐ2 khá cao vượt quy chuẩn.

Để có đánh giá tổng quan và chính xác hơn về chất lượng môi trường nước dưới đất, Báo cáo sử dụng số liệu từ Chương trình Quan trắc Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Trị năm 2024. Trên địa bàn huyện có 03 vị trí quan trắc, gồm: khu vực Khu công nghiệp Quán Ngang, thôn Trúc Lâm, xã Gio Quang (NN21), thôn Mai Xá, xã Gio Mai (NN27), thôn 4, xã Gio Hải (NN47). Kết quả quan trắc như sau:

Bảng 5. Chất lượng nước dưới đất theo Chương trình quan trắc TNMT

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả			QCVN 09:2023/ BTNMT
			NN21	NN27	NN47	
1	pH	-	6,2	6,0	6,2	5,5 - 8,5
2	TDS	mg/L	57	297	727	1.500
3	Độ cứng	mgCaCO ₃ /l	24	139	172	500
4	COD	mg/L	0,9	1,0	1,3	4
5	NH ₄ -N	mg/L	0,22	0,43	0,10	1
6	NO ₃ -N	mg/L	KPH	3,04	2,51	15
7	Fe	mg/L	0,61	0,05	0,07	5
8	Coliform	MPN/100ml	KPH	KPH	KPH	3
9	E.coli	MPN/100ml	KPH	KPH	KPH	0

Ghi chú:

+ QCVN 09:2023/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất;

+ KPH: Không phát hiện; (-): Không quy định.

Kết quả tại bảng 5 cho thấy, tất cả các thông số quan trắc đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 09:2023/BTNMT.

2.1.4. Môi trường đất

Để đánh giá chất lượng môi trường đất trên địa bàn huyện Gio Linh, Báo cáo sử dụng số liệu từ Chương trình Quan trắc Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Trị năm 2024. Trên địa bàn huyện có 02 vị trí quan trắc, gồm: MĐ16 (tại khu vực canh tác nông nghiệp thôn Mai Xá, xã Gio Mai) và MĐ21 (tại khu vực canh tác nông nghiệp thôn Gia Môn, xã Phong Bình).

Kết quả quan trắc khi so sánh với hướng dẫn của thông tư số 60/2015/TT-BTNMT ngày 15/12/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về kỹ thuật điều tra, đánh giá đất đai; QCVN 03:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng đất và QCVN 15:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về dư lượng hóa chất BVTV như sau:

Bảng 6. Chất lượng môi trường đất tại khu vực sản xuất nông nghiệp

TT	Thông số	MĐ26	MĐ21
1	N tổng số	Nghèo	Nghèo
2	P tổng số	Trung bình	Trung bình
3	pH _{KCl}	Nghèo	Nghèo
4	Kim loại nặng (Zn, Cd, Cu, Pb, As)	Loại 1	Loại 1
5	Cacbon hữu cơ	Nghèo	Nghèo
6	Thuốc BVTV	Không phát hiện	Không phát hiện

Như vậy, các thông số kim loại nặng tại các vị trí quan trắc đều đạt loại 1, hàm lượng N tổng số và độ chua và cacbon hữu cơ ở mức nghèo, P tổng số ở mức trung bình; chưa có dấu hiệu ô nhiễm do kim loại nặng và thuốc BVTV.

2.1.5. Hiện trạng di sản thiên nhiên và đa dạng sinh học

Huyện Gio Linh không có di sản thiên nhiên nào được công nhận. Hiện trạng đa dạng sinh học bao gồm:

- Hệ động, thực vật trên cạn:

+ Thảm thực vật chủ yếu là rừng tự nhiên, rừng phòng hộ, các loài cây bụi, cây ăn quả và cây cảnh dọc các tuyến đường, cây bụi, cỏ dại.

+ Động vật cũng ít đa dạng về thành phần và số lượng loài, hầu hết là các loài côn trùng: ong, sâu bọ, kiến... các loài thú chủ yếu là chuột, chồn; các loài chim: sẻ, chào mào, chích... Ngoài ra, có nhiều vật nuôi của người dân trong vùng như: Trâu, bò, lợn...

- Hệ động, thực vật dưới nước:

+ Thực vật nổi, đã xác định được 83 loài, trong đó: Ngành tảo Silic (Bacillariophyta) 57 loài, ngành tảo Giáp (Pyrrophyta) 12 loài, ngành tảo Lam (Cyanophyta) 6 loài và ngành tảo Lục (Chlorophyta) 8 loài.

+ Động vật nổi, thành phần loài tương đối đa dạng. Đã xác định được 43 loài bao gồm: Giáp xác chân chèo (Copepoda) 26 loài, Giáp xác râu ngành (Cladocera) 5 loài, Trùng bánh xe (Rotatoria) 4 loài, các loài khác 7 loài.

+ Động vật đáy, xác định được 22 loài gồm: Giun nhiều tơ (Polychaeta) 9 loài, Giáp xác bơi nghiêng (Amphypoda) 6 loài, Thân mềm (Mollusca) 6 loài và Giáp xác chân đều (Isopoda) 1 loài.

2.2. Tình hình và kết quả thực hiện công tác bảo vệ môi trường

2.2.1. Ban hành các văn bản hướng dẫn, quy chế, quy ước, hương ước về bảo vệ môi trường

Căn cứ tình hình phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương, UBND huyện đã kịp thời chỉ đạo và ban hành các văn bản về bảo vệ môi trường trong năm 2024, như sau:

- Kế hoạch số 54/KH-UBND ngày 08/3/2024 của UBND huyện về việc triển khai tháng tổng vệ sinh, khử trùng, tiêu độc môi trường đợt 1 năm 2024 trên địa bàn huyện Gio Linh;

- Kế hoạch số 106/KH-UBND ngày 07/5/2024 của UBND huyện về việc tổ chức các hoạt động hưởng ứng Tuần lễ Quốc gia nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn năm 2024;

- Kế hoạch số 168/KH-UBND ngày 05/9/2024 của UBND huyện về việc triển khai tháng tổng vệ sinh, khử trùng, tiêu độc môi trường đợt 2 năm 2024 trên địa bàn huyện Gio Linh;

- Công văn số 1391/UBND-MT ngày 23/5/2024 của UBND huyện về việc tổ chức các hoạt động hưởng ứng ngày Môi trường thế giới (05/6), Tháng hành động vì môi trường năm 2024;

- Công văn số 1479/UBND-MT ngày 31/5/2024 của UBND huyện về việc tổ chức các hoạt động hưởng ứng Tuần lễ Biển và Hải đảo Việt Nam năm 2024 gửi cho các cơ quan đơn vị, địa phương để triển khai thực hiện.

- Công văn số 1689/UBND-TH ngày 19/6/2024 của UBND huyện về việc tăng cường công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong nuôi trồng thủy sản;

- Công văn số 1788/UBND-MT ngày 27/6/2024 của UBND huyện về việc báo cáo kết quả tổ chức các hoạt động hưởng ứng tháng hành động vì môi trường, Ngày môi trường thế giới, Tuần lễ Biển và Hải đảo Việt Nam, Ngày đại dương thế giới năm 2024;

- Công văn số 1886/UBND-TM ngày 08/7/2024 của UBND huyện về việc ký hợp đồng thực hiện công tác vệ sinh môi trường tại Lễ hội Văn hóa-Âm thực “Hương vị miền Hoa nắng”

- Công văn số 2004/UBND-TH ngày 18/7/2024 của UBND huyện về việc chủ động phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong mùa mưa bão năm 2024;

- Công văn số 2662/UBND-MT ngày 20/9/2024 của UBND huyện về việc tổ chức các hoạt động hưởng ứng Chiến dịch làm cho thế giới sạch hơn năm 2024.

Ngoài ra, tại các xã, thị trấn căn cứ vào kế hoạch bảo vệ môi trường chung của huyện đều ban hành các văn bản chỉ đạo điều hành để thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường tại từng địa phương cụ thể.

2.2.2. Tổ chức thực hiện các quy định pháp luật, kết quả thanh tra, kiểm tra, thủ tục hành chính về bảo vệ môi trường

- UBND huyện chỉ đạo phòng Tài nguyên và Môi trường thực hiện tốt công tác tham mưu xác nhận giấy phép môi trường cho các doanh nghiệp, cơ sở đóng trên địa bàn. Tất cả các hồ sơ đều được giải quyết theo đúng các thủ tục hành chính được UBND huyện công bố.

- Hàng năm đã xây dựng kế hoạch kiểm tra việc chấp hành về thi hành pháp luật về bảo vệ môi trường của các cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn trình UBND huyện phê duyệt tại Kế hoạch số 58/KH-PTNMT ngày 05/3/2024.

- Phối hợp cùng BQL Khu kinh tế tỉnh tiến hành thanh tra, kiểm tra công tác thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường tại Công ty cổ phần gỗ MDF VRG Quảng Trị.

- Phối hợp cùng Chi cục bảo vệ môi trường tiến hành thanh tra, kiểm tra công tác thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường tại Nhà máy chế biến mù cao su của Công ty

TNHH MTV Cao su Quảng Trị tại xã Phong Bình, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị.

- Thông qua các đợt kiểm tra thực tế phục vụ công việc cấp giấy phép môi trường cho các cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn, đã kiểm tra hướng dẫn các cơ sở hoàn thiện các thủ tục về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

- Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban quản lý Khu Kinh tế tỉnh, Công an tỉnh, UBND xã Gio Châu tiến hành kiểm tra việc cá chết tại hồ nuôi cá của ông Hồ Văn Tứ ở thôn Hà Thanh, xã Gio Châu. Đồng thời kiểm tra tình hình xả thải của các nhà máy trong Khu công nghiệp Quán Ngang.

2.2.3. Tuyên truyền, giáo dục về bảo vệ môi trường

Hoạt động tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức về BVMT trong những năm gần đây đã và đang được các cấp, ngành, địa phương quan tâm và đạt được nhiều thành tựu quan trọng, góp phần nâng cao nhận thức của người dân và cộng đồng về BVMT. Hình thức tuyên truyền về bảo vệ môi trường trên địa bàn huyện có sự đổi mới về hình thức như đi sâu vào từng nhóm đối tượng cụ thể, tổ chức các hoạt động thiết thực hơn, trực quan sinh động hơn. Năm 2024, đã tổ chức một số hoạt động tuyên truyền như:

- Tổ chức tốt các hoạt động hưởng ứng Ngày môi trường thế giới, Ngày đại dương thế giới, Tuần lễ Biển và Hải đảo Việt Nam, gắn với đẩy mạnh phong trào vệ sinh môi trường, thu gom, xử lý rác thải trên phạm vi toàn huyện, chỉ đạo tổ chức ra quân làm vệ sinh tại các bãi tắm, bờ sông; thu gom, xử lý rác thải bảo vệ thực vật.

- Tổ chức tuyên truyền, ký cam kết các hoạt động bảo vệ môi trường, phòng chống rác thải nhựa và xây dựng mô hình “Ngôi nhà xanh” triển khai trên địa bàn các xã, thị trấn.

- Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện nhiệm vụ “Phân loại, thu gom, vận chuyển chất thải rắn tái chế trong các trường học góp phần xây dựng nông thôn mới huyện Gio Linh.

- Kịp thời xử lý các hành vi vi phạm lĩnh vực bảo vệ môi trường, tập hợp sức mạnh cộng đồng trong thực thi chính sách, pháp luật bảo vệ môi trường. Vận động các tổ chức, cá nhân tích cực đóng góp các loại thuế, phí, quỹ môi trường theo quy định của pháp luật. Huy động sự tham gia của các cấp hội, đoàn thể tổ chức đăng ký xây dựng tuyến đường xanh - sạch - đẹp.

2.2.4. Kiểm soát nguồn ô nhiễm

2.2.4.1. Nguồn gây ô nhiễm môi trường từ nước thải đô thị

- Nước thải đô thị và khu dân cư nông thôn tập trung là nước thải phát sinh từ các khu dân cư, hộ gia đình, cơ quan, đơn vị, trường học... thải ra từ quá trình sinh hoạt, vệ sinh của con người. Thành phần cơ bản của nước thải là các chất hữu cơ dễ bị phân hủy sinh học (protein, lipid...), chất dinh dưỡng (nitơ, photpho...), chất rắn và vi sinh vật.

- Theo tiêu chuẩn cấp nước sạch sinh hoạt TCXDVN 13606:2023 - Cấp nước - Mạng lưới đường ống và công trình tiêu chuẩn thiết kế, đối với đô thị loại IV, loại V và điểm dân cư nông thôn là 60-120 lít/người/ngày (lượng nước cấp cho khu vực dân cư tại

thị trấn khoảng 80 lít/người/ngày, lượng nước cấp cho dân cư nông thôn khoảng 60 lít/người/ngày), lượng nước thải được tính bằng 100% lượng nước cấp (Nghị định 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải). Như vậy, lượng nước thải sinh hoạt phát sinh trên địa bàn huyện Gio Linh khoảng 4.923 m³/ngày (dân số huyện Gio Linh ước tính đến 31/12/2023 là 77.347 người).

Hiện nay, huyện chưa có hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt nên toàn bộ lượng nước thải này hầu như chỉ được xử lý sơ bộ bằng các hầm tự hoại, hầm lắng và thải trực tiếp ra môi trường theo hướng nghiêng của địa hình và đổ vào nơi nhận thải (kênh mương, sông, hồ, đồng ruộng trong khu vực). Kết quả quan trắc chất lượng nước thải đô thị tại thị trấn Gio Linh (NTGL) và thị trấn Cửa Việt (NTCV) trong Chương trình quan trắc tài nguyên và môi trường tỉnh Quảng Trị năm 2024 như sau:

Bảng 7. Chất lượng nước thải theo Chương trình quan trắc TNMT

TT	Thông số	ĐVT	Kết quả				QCVN 14:2008/ BTNMT (cột B)
			Tháng 4		Tháng 10		
			NTGL	NTCV	NTGL	NTCV	
1	Nhiệt độ	⁰ C	24,5	26,5	30,3	25,6	-
2	pH	-	7,9	8,4	7,4	8,2	5 - 9
3	TDS	mg/l	34	2363	263	1933	1000
4	TSS	mg/l	64	13	27	7,2	100
5	BOD ₅	mg/l	15	14	18	18	50
6	COD	mg/l	40	39	55	47	-
7	NH ₄ ⁺ -N	mg/l	1,26	0,95	4,48	0,31	10
8	PO ₄ ³⁻ -P	mg/l	0,08	0,13	0,19	0,12	10
9	Tổng Nitơ	mg/l	KPH	KPH	8,5	KPH	-
10	Tổng Photpho	mg/l	0,15	0,27	0,22	0,14	-
11	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	0,9	1,7	3,2	1,7	20,0
12	Chất hoạt động bề mặt	mg/l	0,56	0,45	1,39	0,24	10
13	Coliform	MPN/ 100ml	3840	2220	4060	4060	5000

Ghi chú:

+ QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột B: nước thải sinh hoạt xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt);

+ (-): Không quy định; KPH: Không phát hiện.

Kết quả bảng 7 cho thấy, hầu hết các thông số quan trắc đều nằm trong giới hạn cho phép cột B của QCVN 14:2008/BTNMT. Riêng thông số TDS tại thị trấn Cửa Việt khá cao, vượt quy chuẩn.

2.2.4.2. Nguồn gây ô nhiễm từ hoạt động công nghiệp, làng có nghề

a. Nguồn gây ô nhiễm từ hoạt động công nghiệp

Trên địa bàn huyện Gio Linh có 01 KCN Quán Ngang (*đang hoạt động*) và 02 CCN (*chưa đi vào hoạt động*). Cụ thể:

+ CCN Đông Gio Linh với tổng diện tích quy hoạch là 70 ha (khu vực Gio Việt là 50 ha và khu vực thị trấn Cửa Việt là 20 ha).

+ CCN thị trấn Gio Linh với diện tích 24,1 ha đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Gio Linh, huyện Gio Linh đến năm 2030, tầm nhìn 2035 theo Quyết định số 500/QĐ-UBND ngày 24/02/2020, hiện đang thu hút đầu tư.

+ KCN Quán Ngang với diện tích quy hoạch là 318,13 ha (hiện có 26 dự án đăng ký đầu tư, trong đó có 18 dự án đã hoạt động, 08 dự án đang triển khai xây dựng và 03 dự án đang nghiên cứu, làm thủ tục đầu tư). Hệ thống xử lý nước thải tập trung KCN Quán Ngang có công suất 3.000 m³/ngày đêm bao gồm 02 modul (giai đoạn 1 có công suất 1.500 m³/ngày đêm). Hiện tại, Hệ thống xử lý nước thải tập trung KCN Quán Ngang đã đầu tư xây dựng hoàn thành trạm xử lý giai đoạn 1 với công suất 1.500 m³/ngày đêm để xử lý nước thải phát sinh tại KCN. Các nhà máy đã và đang trong quá trình đấu nối vào hệ thống thu gom và XLNT tập trung của KCN Quán Ngang. Tính đến thời điểm ngày 30/11/2024, đã có 11/16 cơ sở (18 dự án đầu tư của 16 nhà đầu tư/cơ sở) đã được chấp thuận và đấu nối vào hệ thống thu gom xử lý nước thải của KCN Quán Ngang.

Để đánh giá hiệu suất xử lý của hệ thống xử lý nước thải tập trung KCN Quán Ngang, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Quảng Trị đã phối hợp với Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường Quảng Trị lấy 02 mẫu nước thải vào ngày 17/10/2024. Kết quả như sau:

Bảng 8. Kết quả quan trắc nước thải đầu vào và đầu ra của hệ thống xử lý nước thải tập trung

TT	Thông số	Đơn vị tính	Kết quả quan trắc		QCVN40:2011/BTNMT (Cột B, k _q = 0,9, k _r =1,0)
			NTĐV	NTĐR	
1	pH	-	8,5	7,1	5,5-9
2	Độ màu	Pt-Co	292	11	150
3	TSS	mg/L	14	9	100
4	BOD ₅	mg/L	23	10	50
5	COD	mg/L	57	25	150
6	Asen	mg/L	KPH	KPH	0,1
7	Thủy ngân	mg/L	KPH	KPH	0,01
8	Chì	mg/L	KPH	KPH	0,5
9	Cadimi	mg/L	KPH	KPH	0,1
10	Tổng Crom	mg/L	KPH	KPH	0,1
11	Cu	mg/L	KPH	KPH	2
12	Zn	mg/L	KPH	KPH	3
13	Mn	mg/L	KPH	KPH	1
14	Fe	mg/L	1,82	0,11	5
15	Tổng dầu mỡ	mg/L	2,0	KPH	10

TT	Thông số	Đơn vị tính	Kết quả quan trắc		QCVN40:2011/BTNMT (Cột B, $k_q = 0,9$, $k_f = 1,0$)
			NTĐV	NTĐR	
	khoảng				
16	Chất hoạt động bề mặt anion	mg/L	0,55	0,25	-
17	Amoni (NH ₄ tính theo N)	mg/L	0,48	0,1	10
18	Tổng Nito (tính theo N)	mg/L	9,3	KPH	40
19	Tổng Photpho (tính theo P)	mg/L	3,59	0,08	6
20	Phosphat (PO ₄ ³⁻ tính theo P)	mg/L	2,16	KPH	2
21	Sunphat (SO ₄ ²⁻)	mg/L	KPH	KPH	-
22	Clo dư	mg/L	0,09	0,32	2
23	Coliform	MPN /100mL	14.450	2.710	5.000

Ghi chú:

- QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp;
- Ký hiệu lấy mẫu:
- + NTĐV - Nước thải đầu vào: Lấy tại bể gom của hệ thống xử lý nước thải tập trung;
- + NTĐR - Nước thải đầu ra: Nước thải sau bể khử trùng của hệ thống xử lý nước thải tập trung;
- KPH: Không phát hiện, (-): Quy chuẩn không quy định.

Kết quả tại bảng 8 cho thấy:

- Các cơ sở đang hoạt động trong KCN Quán Ngang đã thực hiện việc xử lý sơ bộ nước thải trước khi đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung. Tuy nhiên, một số thông số như độ màu và Coliform còn vượt ngưỡng cho phép, cần có biện pháp cải thiện hơn nữa.

- Sau khi qua Hệ thống XLNT tập trung của KCN Quán Ngang, tất cả các thông số đầu ra đều nằm trong giới hạn cho phép của Cột B - QCVN 40:2011/BTNMT.

Qua đó, nhận thấy rằng hệ thống xử lý nước thải đã hoạt động hiệu quả.

b. Nguồn gây ô nhiễm từ làng nghề

Trên địa bàn các xã, thị trấn (Gio Sơn, Gio Việt, Thị Trấn Cửa Việt, Phong Bình, Gio Mỹ) có các nghề chế đá, chế biến cá, đan lát. Trong đó có làng nghề hấp sấy cá ở Gio Việt, Cửa Việt có phát sinh nước thải với lượng khoảng 150-200 m³/ngày đêm. Thành phần các chất trong nước thải đối với hoạt động hấp sấy cá gồm: các hợp chất vô cơ, hữu cơ dễ phân hủy, dầu mỡ, chất rắn lơ lửng.

Nước thải phát sinh từ hoạt động hấp sấy cá được các cơ sở thu gom vào hầm chứa, sau đó dùng bơm xả trực tiếp ra hệ thống kênh tiêu thoát nước trong khu vực, điễm tiếp nhận cuối cùng sông Thạch Hãn đoạn qua thị trấn Cửa Việt và xã Gio Việt. Nước thải tại đây thường có màu đen, mùi hôi vì chưa có biện pháp xử lý triệt để nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cho khu vực.

2.2.4.3. Nguồn gây ô nhiễm từ các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đang hoạt động trên địa bàn.

a. Nguồn gây ô nhiễm từ các chợ

Trên địa bàn huyện có 11 chợ dân sinh, trong đó có 01 chợ hạng II (chợ Cầu), có 04 chợ hạng III (chợ thị trấn Cửa Việt, Kênh, Nam Đông và Mai Xá), 06 chợ tạm (chợ Gio An, Hòm, Bàn, Gio Hải, Dốc Miếu, Hải Thái). Ngoài ra, còn có một số chợ tự phát tại các khu dân cư, thôn/xóm chủ yếu phục vụ nhu cầu cần thiết của người dân trong khoảng thời gian ngắn, với quy mô nhỏ. Nguồn gây ô nhiễm từ các chợ chủ yếu phát sinh từ chất thải rắn và nước thải:

- Chất thải rắn phát sinh với thành phần chủ yếu là thức ăn dư thừa, vỏ hoa quả, bao bì đựng đồ dùng, vỏ hộp, các vật dụng sinh hoạt, thùng, kết, bìa các tông, bao bì, các sản phẩm, thực phẩm bị hư hỏng...phát sinh với khối lượng khoảng 3 tấn/ngày, được thu gom và xử lý bởi đội thu gom của xã hoặc Trung tâm MT&ĐT huyện Gio Linh với tần suất 1-2 ngày/lần.

- Nước thải phát sinh tại các chợ trên địa bàn huyện khoảng 20 m³/ngày, bao gồm nước thải sinh hoạt, nước vệ sinh sàn hàng ngày và nước phục vụ hoạt động của quầy hàng ăn uống, quầy thủy hải sản tươi sống và nước mưa chảy tràn qua các khu vực của chợ không có mái che. Chợ Cầu đang được đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung với công suất là 40 m³/ngày đêm; chợ Kênh, chợ Nam Đông, chợ Gio Mai, chợ Hải Thái được thu gom và xử lý sơ bộ bằng phương pháp lắng, lọc nhưng hoạt động không hiệu quả; các chợ còn lại, nước thải phát sinh không được xử lý, thải trực tiếp ra môi trường.

- Để đánh giá chất lượng nước nước thải tại chợ Cầu năm 2024 phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Gio Linh đã phối hợp với Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường Quảng Trị tiến hành đo đạc, lấy mẫu phân tích mẫu nước thải tại chợ Cầu. Kết quả quan trắc như sau:

Bảng 9. Kết quả chất lượng nước thải chợ Cầu

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B; K=1)
1	pH	-	7,0	5,5-9
2	TDS	mg/L	160	1.200
3	TSS	mg/L	20	120
4	BOD ₅	mg/L	79	60
5	NH ₄ -N	mg/L	19,7	12
6	NO ₃ ⁻ -N	mg/L	0,28	60

7	PO ₄ ³⁻ -P	mg/L	4,77	12
8	Sunphua	mg/L	KPH	4,8
9	Dầu mỡ	mg/L	2,2	24
10	Chất hoạt động	mg/L	0,46	12
11	Coliform	MPN/100mL	10.910	5.000

Ghi chú:

+ QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột B: nước thải sinh hoạt xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt);

+ Mẫu lấy tại bể lắng cuối cùng (phía Đông Bắc chợ Cầu) trước khi thải ra môi trường;

+ (-): Không quy định; Thời gian lấy mẫu: 24/9/2024.

Kết quả bảng 9 cho thấy, các thông số BOD₅, NH₄-N và Coliform vượt giới hạn cho phép cột B của QCVN 14:2008/BTNMT.

b. Nguồn gây ô nhiễm từ nhà hàng, khách sạn

Hiện nay trên địa bàn huyện có 35 cơ sở lưu trú với 10 khách sạn, 25 nhà nghỉ, có tổng cộng 486 phòng và 838 giường.

- Chất thải rắn: CTR phát sinh chủ yếu là CTR thông thường như: đồ ăn thừa, bao bì, túi nilon,... từ nhà hàng (khoảng 3 tấn/ngày) và bao bì, thực phẩm ăn liền,... phát sinh từ các hoạt động dịch vụ của khách sạn (khoảng 3,5 tấn/ngày), được Trung tâm MT&ĐT huyện thu gom và đưa đi xử lý

- Nước thải: Tổng lượng nước thải phát sinh từ hoạt động này khoảng 2-3 m³/ngày đêm. Thành phần chủ yếu là các chất cặn bã, chất rắn lơ lửng, chất hữu cơ và các vi sinh vật. Hiện nay, nước thải phát sinh tại hầu hết các nhà hàng, khách sạn trên địa bàn huyện một phần được thu gom vào hầm tự hoại 3 ngăn để xử lý, phần còn lại được thải trực tiếp ra khu vực xung quanh.

*2.2.4.4. Nguồn ô nhiễm từ hoạt động sản xuất nông nghiệp**a. Nguồn gây ô nhiễm từ hoạt động chăn nuôi*

- Toàn huyện có 2.655 con trâu, 7.296 con bò, 21.016 con lợn, 472.400 con gia cầm, 101 trang trại chăn nuôi (trong đó, có 84 trang trại quy mô nhỏ, 17 trang trại quy mô vừa).

- CTR phát sinh từ hoạt động chăn nuôi gia súc, gia cầm trên địa bàn huyện bao gồm: chất độn chuồng, phân, thức ăn dư thừa,... ước bình quân khoảng 250-300 tấn/ngày (định mức phát sinh chất thải trên đầu vật nuôi theo kết quả thống kê của Tổng Cục Chăn nuôi đối với bò 10 kg/ngày/con; trâu 15 kg/ngày/con; lợn 2,5 kg/ngày/con; gia cầm các loại 0,2 kg/ngày/con).

- Trong các nguồn phát sinh thì nước thải phát sinh từ chăn nuôi lợn là lớn nhất. Tổng lượng nước thải phát sinh từ hoạt động chăn nuôi lợn trên địa bàn huyện ước bình quân khoảng 400-500 m³/ngày (theo kết quả điều tra cho thấy, lượng nước thải phát sinh từ hoạt động chăn nuôi chủ yếu từ nước bài tiết của vật nuôi, từ hoạt động ăn uống, tắm rửa và vệ sinh chuồng trại).

- Hình thức xử lý chất thải: các trang trại và các hộ chăn nuôi lợn có quy mô trên 20 con phần lớn sử dụng hầm biogas để xử lý chất thải. Riêng các hộ chăn nuôi dưới 20 con nước thải phát sinh thải ra hầm lắng sau đó thoát ra khu vực xung quanh vườn nhà, mương thoát nước, ao, hồ trong khu dân cư. Với định hướng phát triển trong thời gian tới, lượng nước thải phát sinh từ hoạt động chăn nuôi trên địa bàn sẽ ngày càng nhiều, nếu không được thu gom, xử lý gây nguy cơ ô nhiễm môi trường, đặc biệt ô nhiễm nguồn nước và làm mất mỹ quan trong khu vực.

b. Nguồn gây ô nhiễm môi trường từ hoạt động giết mổ

- Toàn huyện có 34 hộ giết mổ gia súc, gia cầm (12 hộ ở xã Gio Sơn, 10 hộ ở thị trấn Gio Linh, 04 hộ thị trấn Cửa Việt, 02 hộ ở xã Trung Giang, 03 hộ ở xã Trung Sơn và 03 hộ ở xã Gio Mai). Các cơ sở giết mổ đều nằm trong khu dân cư, nước thải phát sinh không được xử lý thải trực tiếp ra môi trường (các kênh mương, ao, hồ, đồng ruộng).

- Nước thải phát sinh từ hoạt động giết mổ, gia súc gia cầm bao gồm: nước thải từ chuồng trại nhốt gia súc trước khi đưa vào giết mổ (nước vệ sinh chuồng trại, thức ăn dư thừa, phân,...), nước thải trong quá trình giết mổ (máu, các chất dịch từ xác gia súc gia cầm, các phần dư thừa như lông, nội tạng không thể sử dụng được và nước thải từ việc vệ sinh các dụng cụ giết mổ), nước thải từ công đoạn sơ chế thịt (rửa thịt, làm lông, vệ sinh các cơ quan nội tạng loại bỏ máu và các dịch bẩn). Thành phần nước thải chứa lượng lớn dầu mỡ, các chất hữu cơ, nitơ, Photpho,... Với số lượng giết mổ gia súc là 12.354 con và gia cầm là 11.960 con thì tổng lượng nước thải phát sinh từ hoạt động giết mổ khoảng 6.775 m³/năm (định mức phát sinh nước thải đối với gia cầm là 0,5 m³/con và gia súc là 0,05 m³/con).

c. Nuôi trồng thủy sản

- Tổng diện tích nuôi trồng thủy sản trên địa bàn huyện là 668,55 ha (trong đó nuôi tôm 215,8 ha), nuôi theo hình thức thâm canh, tập trung chủ yếu ở các xã ven biển và dọc sông Bến Hải.

- Trong quá trình nuôi đã sử dụng các loại thức ăn công nghiệp có chứa hàm lượng protein cao để giúp tôm sinh trưởng. Quá trình phát triển, tôm sẽ thải ra nhiều amoni vào trong nước. Ngoài ra, thức ăn dư thừa, phân tôm, xác tảo... sẽ làm tích tụ các hợp chất hữu cơ lơ lửng và hòa tan (chủ yếu dưới dạng amonia (NH₄/NH₃) hoặc nitrite (NO₂)) trong ao nuôi. Sau khi thu hoạch hoặc trong quá trình thay nước ao nuôi, toàn bộ lượng chất thải này bị cuốn theo nước ra khỏi ao, sau đó được lắng đọng tại kênh mương và ra nguồn tiếp nhận sông Bến Hải, biển. Theo ước tính lượng nước thải này rất lớn và không được xử lý, thải trực tiếp ra môi trường, nguy cơ gây ô nhiễm nguồn nước mặt trong khu vực và ảnh hưởng đến năng suất các vụ nuôi tiếp theo.

Bảng 10. Tổng hợp diện tích nuôi tôm trên địa bàn huyện

TT	Xã, thị trấn	Diện tích (ha)	Hình thức nuôi	Đối tượng nuôi	Hình thức xử lý chất thải
1	Trung Giang	19,0	Thâm canh	Tôm sú, tôm thẻ chân trắng	Thải trực tiếp ra kênh mương
2	Gio Hải	0,7			

3	Trung Hải	76,3			
4	TT Cửa Việt	1,8			
5	Gio Việt	14,5			
6	Gio Mai	103,5			
	Tổng cộng	215,8			

(Nguồn: Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện năm 2024)

c. Nguồn ô nhiễm từ các khu vực tồn lưu thuốc BVTV

Trên địa bàn huyện Gio Linh có 08 kho tồn lưu hóa chất thuốc BVTV. Các kho thuốc này hầu hết nằm trong khu dân cư, trong khuôn viên đất ở, trường học, do đó đã và đang tiềm ẩn nhiều vấn đề về môi trường gây lo lắng cho người dân sống trong khu vực. Đến nay, đã xử lý được 06 điểm tồn lưu thuốc BVTV, còn 02 điểm còn lại đang được UBND tỉnh trình Bộ Tài nguyên và Môi trường đề thống nhất đưa vào kế hoạch xử lý cho các năm tiếp theo. Cụ thể như sau:

Bảng 11. Các điểm tồn lưu thuốc BVTV

TT	Điểm tồn lưu	Tình hình xử lý
1	Kho thuốc tại HTX sản xuất nông nghiệp Trung Tiến, xã Gio Châu	Đã xử lý
2	Kho thuốc tồn lưu hóa chất BVTV tại thôn Xuân Hòa, xã Trung Hải	
3	Kho thuốc BVTV trong khuôn viên trường mẫu giáo Gio Sơn, thôn Nam Đông, xã Gio Sơn	
4	Kho thuốc BVTV tại HTX Đồng Hòa, thôn Đồng Hòa, xã Gio Sơn	
5	Kho thuốc BVTV tại Nông trường Dốc Miếu, thôn Tân Lịch, xã Gio Bình	
6	Kho thuốc BVTV trong khuôn viên nông trường cao su Cồn Tiên, thôn Trung An, xã Hải Thái	
7	Kho thuốc BVTV tại Nông trường Trường Sơn, thôn Gia Bình	Chưa xử lý
8	Kho thuốc trong vườn cao su của ông Phạm Quang Diễn, thôn Phú Ân, xã Hải Thái	

(Nguồn: Điều tra khảo sát, thu thập thông tin năm 2024)

2.2.4.5. Nguồn gây ô nhiễm từ hoạt động của bãi rác tập trung huyện

Bãi rác tập trung huyện Gio Linh được quy hoạch xây dựng tại xã Gio Bình (nay là xã Phong Bình) với quy mô 7,6 ha; năm 2012 UBND tỉnh đã giao Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường tỉnh làm chủ đầu tư giai đoạn 1 và năm 2014 công trình hoàn thành bàn giao UBND huyện quản lý, vận hành với quy mô 2,2 ha với 02 hố chôn lấp rác hợp vệ sinh, hệ thống xử lý nước rỉ rác, đường nội bộ, hàng rào, nhà bảo vệ... Theo quy hồ sơ thiết kế và bàn giao đưa vào sử dụng, công trình này có thời gian sử dụng 4 năm (2014-2017) sức chứa 60.000 m³. Tuy nhiên, thực tế đã sử dụng công trình kéo dài từ khi nhận bàn giao (năm 2014) đến nay và hiện tại đã vượt quá công suất thiết kế của công trình. Do vậy, thực trạng khu xử lý, chôn lấp rác thải sinh hoạt hợp vệ sinh của huyện Gio Linh đã quá tải, gây ô nhiễm môi trường cho khu vực.

- Đề đánh giá chất lượng nước thải tại bãi rác tập trung huyện Gio Linh, Báo cáo sử dụng số liệu từ Báo cáo công tác bảo vệ môi trường tại bãi rác tập trung huyện Gio Linh năm 2024 tại vị trí nước thải đầu ra của hệ thống xử lý. Kết quả như sau:

Bảng 12. Chất lượng nước thải tại bãi rác tập trung

TT	Thông số	ĐVT	Kết quả quan trắc		QCVN 40:2011 /BTNMT (cột B)
			Ngày 29/8/2024	Ngày 16/10/2024	
1	pH	-	7,7	7,7	5,5 - 9
2	TSS	mg/l	29	19	100
3	BOD ₅	mg/l	197	472	50 ⁽¹⁾
4	COD	mg/l	2.974	2.141	300 ⁽¹⁾
5	NH ₄ -N	mg/l	42,3	84,6	25 ⁽¹⁾
6	Tổng Nito	mg/l	195	298	60 ⁽¹⁾
7	Tổng P	mg/l	11,9	19,5	6
8	Fe	mg/l	6,1	17,9	5
9	Cu	mg/l	KPH	KPH	2
10	Zn	mg/l	KPH	0,16	3
11	Mn	mg/l	KPH	0,8	1
12	Cd	mg/l	KPH	KPH	0,1
13	As	mg/l	0,0024	KPH	0,1
14	Hg	mg/l	KPH	KPH	0,01
15	Tổng dầu mỡ	mg/l	11,7	8,6	10
16	Coliform	MPN/100ml	36.400	47.800	5.000

Ghi chú:

+ QCVN 40:2011/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột B: Quy định nồng độ tối qua cho phép của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt);

+⁽¹⁾: QCVN 25:2009/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải của bãi chôn lấp chất thải rắn (Cột B2 - Quy định nồng độ tối qua cho phép của các thông số ô nhiễm trong nước thải của bãi chôn lấp chất thải rắn xây dựng mới kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt).

Kết quả bảng 12 cho thấy, phần lớn các thông số quan trắc đều vượt giới hạn cho phép cột B của QCVN 40:2011/BTNMT và cột B2 của QCVN 25:2009/BTNMT. Như vậy, nước thải phát sinh từ bãi rác tập trung của huyện vẫn chưa được xử lý đảm bảo, đã và đang gây ô nhiễm môi trường cho khu vực xung quanh.

2.2.5. Quản lý chất thải

2.2.5.1. Quản lý CTR sinh hoạt

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hộ gia đình, cá nhân gồm chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế; chất thải thực phẩm và chất thải rắn sinh hoạt khác.

- Khối lượng CTR sinh hoạt phát sinh: Tổng khối lượng CTR sinh hoạt phát sinh trên địa bàn huyện là 40 tấn/ngày, trong đó khu vực đô thị (thị trấn Gio Linh và thị trấn Cửa Việt) là 17,5 tấn/ngày và khu vực nông thôn (tại 15 xã) là 22,5 tấn/ngày.

- Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt: tỷ lệ rác thải sinh hoạt được vận chuyển, xử lý tại bãi chôn lấp chất thải rắn tập trung của huyện duy trì ở mức 88% (xử lý bằng hình thức chôn lấp hợp vệ sinh) đối với khu vực đô thị đạt 100%, khu vực nông thôn đạt 80%. Lượng chất thải rắn còn lại được người dân vứt bỏ dọc các tuyến đường, khu vực đất trống, vào mùa mưa chúng cuốn theo nguồn nước trôi dạt về các lưu vực các sông, kênh mương,... mang vi sinh vật gây bệnh, kim loại nặng, chất hữu cơ... từ rác thải vào nguồn nước làm ô nhiễm nước mặt hoặc ngấm xuống đất làm ô nhiễm nước ngầm.

- Phân loại CTR tại nguồn: Trong thời gian qua, huyện đã triển khai đẩy mạnh công tác tuyên truyền về ý nghĩa của việc phân loại rác tại nguồn và nguy cơ xảy ra nếu không phân loại để người dân hiểu và thực hiện phân loại rác thường xuyên hơn. Đến nay, đã có 17/17 xã, thị trấn trên địa bàn huyện được tập huấn, triển khai mô hình thu gom, phân loại, xử lý rác thải sinh hoạt.

- Chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định: Nhận thức được các tác hại mà chất thải nhựa gây ra, thực hiện theo sự chỉ đạo của tỉnh, huyện đã phát động tới các xã thực hiện phong trào chống rác thải nhựa, qua đó nhiều tổ chức và các cá nhân, hộ gia đình đã có hành động thiết thực, ý nghĩa, hiệu quả để chống, giảm thiểu rác thải nhựa bằng các biện pháp như thu gom, tái sử dụng xử lý theo quy định. Trường học và tại các thôn thực hiện mô hình “Ngôi nhà xanh” để phân loại bán cho các cơ sở thu mua phế liệu.

- Tình hình xử lý: Trên địa bàn huyện đã có 01 bãi chôn lấp CTR tại xã Phong Bình với tổng diện tích 7,6 ha. Giai đoạn 1, bãi rác thiết kế 02 ô chôn lấp với diện tích 0,85 ha. Công nghệ xử lý rác bằng hình thức chôn lấp hợp vệ sinh đã xử lý được khối lượng và thành phần các loại chất thải rắn phát sinh trên địa bàn, phù hợp với điều kiện kinh phí hạn hẹp của địa phương. Tuy nhiên, tính đến năm 2024 thì đã vượt quá thời gian sử dụng 7 năm (thời gian sử dụng theo công suất thiết kế là 4 năm (2014-2017) nên dẫn đến 02 ô chôn lấp trong tình trạng quá tải, rác tràn ra khu vực xung quanh, gây ra ô nhiễm môi trường xung quanh.

2.2.5.2. Quản lý CTR công nghiệp thông thường

- Khối lượng phát sinh: CTR CNTT phát sinh từ hoạt động công nghiệp trên địa bàn huyện chủ yếu nằm trong KCN Quán Ngang với khối lượng khoảng 2.792 tấn/năm, trong đó rác sinh hoạt 50 tấn/năm, rác sản xuất 2.742 tấn/năm.

Bảng 13. Khối lượng CTR phát sinh tại một số cơ sở SXKD

TT	Tên cơ sở	Loại hình sản xuất chính	Khối lượng CTR (tấn/năm)	
			Sản xuất	Sinh hoạt
1	Nhà máy chế biến Titan và sản xuất sản phẩm	Sản xuất nguyên liệu hàn, chế biến quặng titan sa	35	1

	Zirconium Silicate	khoáng		
2	Nhà máy veneer và hàng nội thất Kim Long	Sản xuất các sản phẩm từ gỗ, làm nội thất	80	1
3	Nhà máy phân bón NPK Bình Điền - Quảng Trị	Sản xuất phân bón	35	7
4	Nhà máy gỗ MDF VRG Quảng Trị	Sản xuất lâm sản xuất khẩu	1.050	1,83
5	Nhà máy may Gio Linh	Máy mặc công nghiệp	180	3,65
6	Nhà máy gạch không nung Polyme Hợp Quốc	Sản xuất gạch	20	1
7	Nhà máy sản xuất vật liệu xây dựng Trường Danh	Sản xuất vật liệu xây dựng	30	0,37
8	Nhà máy sản xuất viên cùi nén Tân Kỳ	Sản xuất viên cùi nén	75	3,65
9	Nhà máy chế biến bột cá Hồng Đức Vượng	Chế biến bột cá	30	1,83
10	Nhà máy bia Hà Nội - Quảng Trị	Sản xuất bia	145	3,65
11	Nhà máy chế biến khoáng sản Quảng Phú	Chế biến khoáng sản	170	2
Tổng cộng			1.950	26,98

- Tình hình thu gom, xử lý: Đối với loại hình sản xuất, chế biến gỗ có lượng CTR công nghiệp thông thường lớn nhất chủ yếu là dăm, bào, gỗ mùn, ... được bán cho cơ sở thu mua để sử dụng làm chất đốt hoặc làm chất độn chuồng trong các trang trại chăn nuôi; đối với các loại hình còn lại lượng chất thải phát sinh không đáng kể và được Trung tâm Môi trường và Đô thị huyện thu gom cùng với CTR sinh hoạt.

2.2.5.3. Quản lý chất thải nguy hại

- Đối với hoạt động công nghiệp:

+ Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động công nghiệp trên địa bàn huyện chủ yếu từ các nhà máy trong KCN Quán Ngang bao gồm bùn thải từ quá trình xử lý nước thải, bùn thải chứa kim loại nặng, hóa chất từ quá trình xử lý nước thải, chất thải từ quá trình cắt mài và xử lý gỗ, vôi chứa dầu, chất thải chứa kim loại nặng từ quá trình chế biến titan,... với khối lượng khoảng 17 kg/ngày.

+ Hình thức xử lý: Các cơ sở tự thu gom và lưu giữ chất thải nguy hại trong khuôn viên. Một số nhà máy như Nhà máy sản xuất phân bón NPK Bình Điền - Quảng Trị, Nhà máy gỗ MDF VRG Quảng Trị đã hợp đồng với Công ty CP Cơ điện Lilama Quảng Ngãi hoặc Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Hà Nội - Chi nhánh Miền Trung thu gom, vận chuyển và xử lý.

- Đối với hoạt động y tế:

+ Khối lượng phát sinh: khoảng 6,5 kg/ngày chủ yếu phát sinh từ Trung tâm Y tế

huyện Gio Linh, các phòng khám tư nhân và các trạm y tế xã, thị trấn có khối lượng không đáng kể.

+ Hình thức xử lý: Toàn bộ lượng chất thải nguy hại được lưu trữ tại nhà kho CTR y tế (20 m²). Hợp đồng với Công ty TNHH Sông Công vận chuyển và xử lý với tần suất 02 ngày/lần.

- Đối với hoạt động nông nghiệp: bao gồm các loại chai lọ, bao bì đựng thuốc BVTV sau khi sử dụng. Số liệu được tính toán theo Trạm BVTV huyện Gio Linh thì lượng chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động nông nghiệp trên địa bàn huyện năm 2024 vào khoảng 300-400 kg/năm; được thu gom vào các bể bê tông đặt trên các tuyến nội đồng.

2.2.6. Xử lý ô nhiễm, cải thiện chất lượng môi trường

Trong năm 2024, huyện Gio Linh đã thực hiện một số hoạt động để xử lý ô nhiễm, cải thiện chất lượng môi trường như sau:

- Quan trắc chất lượng các thành phần môi trường trên địa bàn huyện theo các nhiệm vụ hàng năm của Tỉnh và Huyện;

- Các cơ sở SXKD thực hiện hoạt động quan trắc chất lượng môi trường định kỳ theo quy định;

- Tổ chức hỗ trợ công tác thu gom, vận chuyển, xử lý rác đường phố trên các tuyến đường, vỉa hè theo kế hoạch được phê duyệt;

- Ban hành công văn số 518/UBND-TN ngày 05/3/2024 về việc tổ chức triển khai đề án phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn theo Quyết định số 197/QĐ-UBND ngày 25/01/2024 của UBND tỉnh về việc ban hành Đề án phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn trên địa bàn tỉnh Quảng Trị đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

- Tổ chức các hoạt động hưởng ứng ngày nước thế giới, Ngày khí tượng thế giới, chiến dịch giờ trái đất năm 2024.

- Ban hành Công văn số 1143/UBND-TNMT ngày 26/4/2024 về việc đôn đốc nộp báo cáo công tác bảo vệ môi trường và lập báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường theo quy định.

- Tổ chức thành công Hội nghị tuyên truyền, phổ biến Luật Tài nguyên nước năm 2023 và các văn bản hướng dẫn thi hành luật Tài nguyên Nước vào ngày 12/9/2024.

- Phòng TN&MT đã phối hợp với Hội Cựu Chiến Binh huyện, Hội Cựu Chiến Binh xã Phong Bình phát động và ra quân thu gom rác thải bảo vệ thực vật trên đồng ruộng tại 02 thôn Lê Môn và Gia Môn;

- Phòng TNMT đã ban hành Thông báo số 356/TB-PTNMT ngày 07/10/2024 về việc nộp phí nước thải công nghiệp năm 2023 -2024 gửi cho cơ sở sản xuất kinh doanh, UBND các xã, thị trấn liên quan.

2.2.7. Phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

- Năm 2024, trên địa bàn huyện không xảy ra sự cố về môi trường. Hiện nay, các cơ sở sản xuất, kinh doanh đã thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó các sự cố như cháy nổ, tràn dầu được phê duyệt trong các hồ sơ môi trường theo quy định.

- Đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh: đã thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó các sự cố như cháy nổ, tràn dầu được phê duyệt trong các hồ sơ môi trường theo quy định.

2.3. Điều kiện và nguồn lực về bảo vệ môi trường

2.3.1. Nguồn nhân lực

- Đối với cơ quan quản lý môi trường trên địa bàn huyện:

+ Cấp huyện: Phòng Tài nguyên và Môi trường bố trí 01 lãnh đạo phòng và 01 chuyên viên phụ trách lĩnh vực quản lý tài nguyên - môi trường.

- Cấp xã, thị trấn: 01 công chức địa chính - môi trường - xây dựng theo dõi các hoạt động về lĩnh vực quản lý tài nguyên và môi trường.

- Đơn vị chịu trách nhiệm thu gom và xử lý CTR: Trung tâm MT&ĐT huyện Gio Linh.

2.3.2. Nguồn lực tài chính

Năm 2024, ngân sách sự nghiệp môi trường phân bổ cho huyện Gio Linh là 1.261.300.000 đồng. UBND huyện đã bố trí số tiền đó cho các hoạt động bảo vệ môi trường trên địa bàn huyện Gio Linh như hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải và vận hành bãi rác; các hoạt động bảo vệ môi trường khác trên địa bàn huyện.

2.4. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu thống kê về môi trường

Bảng 14. Các chỉ tiêu thống kê môi trường quốc gia

TT	Tên chỉ tiêu	Kết quả
1	Diện tích rừng hiện có	19.827,72 ha
2	Tỷ lệ che phủ rừng	39,69 %
3	Số vụ thiên tai và mức độ thiệt hại	0
4	Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý	90%
5	Tỷ lệ CTR sinh hoạt được thu gom và xử lý	88%
6	Tỷ lệ KCN đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	100%
7	Tỷ lệ CCN đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	Chưa có CCN hoạt động
8	Lượng phát thải khí nhà kính bình quân đầu người	Chưa thực hiện thống kê theo quy định
9	Tỷ lệ ngày trong năm có nồng độ bụi PM _{2.5} , PM ₁₀ trong môi trường không khí vượt quá quy chuẩn kỹ thuật môi trường cho phép	Chưa thực hiện thống kê

Bảng 15. Các chỉ tiêu thống kê theo ngành tài nguyên và môi trường

TT	Tên chỉ tiêu	Kết quả
1	Nồng độ các chất trong môi trường không khí	Thể hiện tại Bảng 1,2 của báo cáo
2	Tỷ lệ ngày trong năm có nồng độ các chất trong môi trường không khí vượt quá quy chuẩn kỹ thuật cho phép	Chưa thực hiện thống kê
3	Hàm lượng các chất trong môi trường nước	Thể hiện tại Bảng 3,4 của báo cáo
4	Tỷ lệ các doanh nghiệp được cấp chứng nhận quản lý môi trường	0%
5	Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý	90%
6	Tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý	0%
7	Các sự cố môi trường	Không có sự cố
8	Tỷ lệ số khu vực đất bị ô nhiễm tồn lưu được xử lý, cải tạo	75 %
9	Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh phát sinh nước thải từ 50 m ³ /ngày đêm trở lên có hệ thống xử lý nước thải đảm bảo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia	100%

2.5. Đánh giá chung

2.5.1. Kết quả đạt được

- Công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức càng ngày càng được chú trọng và có nhiều đổi mới hơn so với những năm trước.

- Nhận thức về bảo vệ môi trường của một số đơn vị sản xuất, kinh doanh và người dân từng bước được nâng cao.

- Đã kịp thời giải quyết các khiếu nại, thắc mắc, thư phản ánh của người dân về ô nhiễm môi trường.

- Công tác xã hội hóa về bảo vệ môi trường được đẩy mạnh với sự tham gia của nhiều thành phần kinh tế, xã hội, nhiều mô hình tự quản về bảo vệ môi trường được thành lập với đông đảo người dân tham gia. Đặc biệt trong hoạt động thu gom và xử lý rác thải trên địa bàn huyện.

- Công tác phòng ngừa, hạn chế, kiểm soát ô nhiễm môi trường, công tác kiểm tra, thanh tra, phát hiện xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường được tăng cường và có hiệu quả hơn.

- Công tác vệ sinh môi trường ở các khu vực công cộng, công tác nạo vét, khơi thông cống rãnh khu dân cư được quan tâm thực hiện thường xuyên hơn và thu hút được đông đảo người dân tham gia thực hiện.

2.5.2. Những tồn tại, hạn chế trong công tác quản lý môi trường

Năm 2024, mặc dù đã nhận được sự quan tâm của các cấp, công tác tuyên truyền, hướng dẫn người dân thu gom, phân loại rác thải được chú trọng; đưa chế phẩm sinh học vào phục vụ sản xuất nông nghiệp và xử lý chất thải, bảo vệ môi trường;... Tuy nhiên, do hạn chế về kinh phí và thời gian nên một số vấn đề môi trường xác định năm 2023 chưa được giải quyết triệt để và còn tiếp diễn trong năm 2024 gồm:

- Ô nhiễm môi trường do chai, lọ, bao bì chứa thuốc BVTV sau sử dụng và 02 điểm tồn lưu hóa chất BVTV tồn đọng quá hạn, cấm sử dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Trị chưa được xử lý.

- Tình trạng chăn nuôi gia súc, gia cầm trong khu dân cư gây ô nhiễm môi trường và ảnh hưởng đến cuộc sống của người dân do nước thải, mùi hôi không được xử lý đảm bảo. Bên cạnh việc chăn nuôi, hoạt động của lò mổ gia súc cũng đang là vấn đề bất cập, các lò giết mổ đều nằm ở vị trí gần khu dân cư, cơ sở vật chất, trang thiết bị bị xuống cấp, không đảm bảo các điều kiện và nhu cầu giết mổ gia súc trên địa bàn, gây ảnh hưởng môi trường khu vực xung quanh.

- Mặc dù đã xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung tại KCN Quán Ngang, tuy nhiên hiện nay vẫn chưa đầu nối 100% các nhà máy vào hệ thống.

- Hiện nay, bãi chôn lấp CTR tại xã Phong Bình, huyện Gio Linh đã quá tải, gây ra ô nhiễm môi trường, đặc biệt là mùi và ruồi nhặng,... gây ảnh hưởng khu vực xung quanh.

2.6. Mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp bảo vệ môi trường trong thời gian tới

2.6.1. Giải pháp về giáo dục, nâng cao nhận thức về môi trường

Bảo vệ môi trường là trách nhiệm và nghĩa vụ của toàn xã hội. Đây là nhiệm vụ phải thực hiện thường xuyên, lấy phương châm phòng ngừa là chính. Để duy trì thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường, huyện tiếp tục thực hiện có hiệu quả công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức bảo vệ môi trường cho cộng đồng, đồng thời triển khai thực hiện các nội dung sau:

- Các cơ quan, ban ngành, tổ chức chính trị, chính trị - xã hội; UBND các xã, thị trấn tăng cường công tác phối hợp, chủ động tuyên truyền công tác bảo vệ môi trường, phong trào chống rác thải nhựa đến các đơn vị thuộc lĩnh vực phụ trách, các cấp, hội, đoàn thể cấp dưới nhằm nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, tạo sự chuyển biến tích cực từ nhận thức đến hành động trong việc thay đổi hành vi, thói quen sử dụng các sản phẩm thân thiện với môi trường; tái chế, tái sử dụng, thu gom và nộp phí rác thải đúng quy định; vận động các hội viên do mình quản lý thực hiện hiệu quả xây dựng tuyến đường xanh - sạch - đẹp; tích cực tham gia thực hiện có hiệu quả đề án xã hội hoá xây dựng vỉa hè, cây xanh, điện chiếu sáng đường phố, đề án xã hội hóa xây dựng hệ thống thoát nước trong khu dân cư.

- Tiếp tục đẩy mạnh phong trào chống rác thải nhựa vào trong cơ quan, đơn vị, trường học; đồng thời cụ thể hóa bằng những hành động hạn chế sử dụng các sản phẩm nhựa dùng một lần vào trong đời sống sản xuất, sinh hoạt hàng ngày như: Sử dụng làn,

các túi vải, các loại túi thân thiện với môi trường để thay thế các sản phẩm nhựa khó phân hủy sử dụng một lần khi đi mua sắm; không sử dụng các loại đồ nhựa, ống hút sử dụng một lần vào trong các cuộc hội họp, hội nghị; hạn chế sử dụng các sản phẩm nhựa...

- Phòng Tài nguyên và Môi trường: phối hợp với các tổ chức đoàn thể, trường học tổ chức các hoạt động tuyên truyền về bảo vệ môi trường, phong trào chống rác thải nhựa nhằm tạo sức lan tỏa trong cộng đồng; tham mưu huyện chỉ đạo triển khai các hoạt động tuyên truyền bảo vệ môi trường trên địa bàn nhân các ngày lễ về môi trường; tổ chức lắp đặt các pano, áp phích tuyên truyền BVMT, phòng chống rác thải nhựa tại các chợ, các nhà văn hóa khu phố...; tuyên truyền, phổ biến rộng rãi Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 có hiệu lực từ 01/01/2022 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật.

2.6.2. Những giải pháp ưu tiên cần tập trung xử lý

(1). Xử lý ô nhiễm môi trường do chất thải rắn

- Tăng cường công tác vệ sinh công cộng trong các dịp lễ, tết và sự kiện quan trọng diễn ra trên địa bàn huyện.

- Bảo trì, bảo dưỡng, vận hành đúng quy trình hệ thống xử lý nước rỉ rác tại bãi rác tập trung, thực hiện giám sát định kỳ.

- Hỗ trợ kinh phí và nâng cao năng lực thu gom cho Trung tâm Môi trường và Đô thị huyện.

- Tăng cường công tác tuyên truyền và vận động người dân thực hiện phân loại rác tại nguồn, tham gia thu gom rác.

- UBND các xã, thị trấn thực hiện việc giám sát, phát hiện kịp thời và chịu trách nhiệm xử lý đối với các điểm rác vô chủ phát sinh và công tác thu gom, xử lý rác thải trên địa bàn.

(2). Xử lý ô nhiễm môi trường từ hoạt động chăn nuôi, giết mổ

- Yêu cầu các trang trại chăn nuôi phải thực hiện nghiêm các biện pháp các biện pháp bảo vệ môi trường theo hồ sơ môi trường đã được phê duyệt.

- Cần có phương án di dời các cơ sở chăn nuôi gây ô nhiễm môi trường trong khu dân cư ra khu quy hoạch chăn nuôi tập trung của địa phương.

- Đối với các lò giết mổ gia súc, gia cầm: xây dựng phương án đầu tư hoặc cải tạo hệ thống xử lý nước thải đạt quy chuẩn trước khi thải ra môi trường.

(3). Xử lý ô nhiễm môi trường xung quanh khu vực KCN Quán Ngang

- Tăng cường công tác kiểm tra, đặc biệt là thành lập các đoàn liên ngành để kiểm tra đột xuất để phát hiện các sai phạm trong bảo vệ môi trường đối với các cơ sở, nhà máy đang hoạt động trong KCN Quán Ngang.

- Yêu cầu các cơ sở phải thực hiện nghiêm các biện pháp BVMT đã được phê duyệt và hồ sơ môi trường đã được phê duyệt.

- Khuyến khích người dân giám sát, theo dõi việc xả thải của các cơ sở trong KCN Quán Ngang và có phản ánh kịp thời, đúng sự việc đến cơ quan quản lý nhà nước về môi trường ở địa phương.

- Hoàn thành việc dẫn nổi nước thải của tất cả các nhà máy trong KCN Quán Ngang vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN.

(4). Xử lý ô nhiễm môi trường từ thuốc BVTV sau sử dụng và điểm tồn lưu thuốc BVTV

- Kiểm tra, giám sát việc thu gom, xử lý bao bì, chai lọ thuốc BVTV được thu gom tại các bể chứa trên đồng ruộng. Rà soát, tăng cường đầu tư thêm các bể chứa để tạo điều kiện thuận lợi cho người dân.

- Bố trí kinh phí hàng năm để thực hiện thu gom, vận chuyển, xử lý bao gói thuốc BVTV sau sử dụng phát sinh trên địa bàn.

- Hướng dẫn, tuyên truyền, hướng dẫn người dân thu gom bao gói thuốc BVTV đúng quy định.

2.6.3. Giải pháp về tài chính

- Từng bước phấn đấu đảm bảo nguồn chi cho sự nghiệp môi trường (không dưới 1% tổng chi ngân sách nhà nước) và tăng dần tỷ lệ hàng năm phù hợp hoạt động bảo vệ môi trường trên địa bàn huyện.

- Đa dạng hóa và tìm kiếm các nguồn vốn từ Trung ương, tỉnh, các nhà đầu tư, các tổ chức phi chính phủ về các hoạt động bảo vệ môi trường, đầu tư xử lý ô nhiễm môi trường.

- Thực hiện nguyên tắc người gây thiệt hại đối với môi trường phải khắc phục, bồi thường thiệt hại do mình gây ra. Từng bước thực hiện thu phí, ký quỹ bảo vệ môi trường, buộc bồi thường thiệt hại về môi trường. Thu phí đối với hoạt động khai thác khoáng sản theo Nghị quyết của HĐND tỉnh.

2.6.4. Giải pháp về đánh giá và cảnh báo ô nhiễm môi trường

- Cập nhật thông tin quan trắc chất lượng môi trường; sử dụng công cụ truyền thông để tuyên truyền, cảnh báo đến người dân các sự cố về môi trường và thành lập đường dây nóng để người dân phản ánh về các vấn đề môi trường phát sinh tại địa phương.

- Tổ chức theo dõi, đánh giá và dự báo thường xuyên diễn biến hiện trạng môi trường. Xác định kịp thời diễn biến của môi trường, phạm vi biến đổi của môi trường và tài nguyên, xác định những vấn đề cấp bách, từ đó đề ra biện pháp phòng tránh kịp thời.

- Thực hiện các dự án điều tra, đánh giá cơ bản về tài nguyên, môi trường, hiện trạng môi trường, tình hình chấp hành pháp luật của các cơ sở nhằm tạo bộ cơ sở dữ liệu về môi trường.

2.6.5. Giải pháp khoa học công nghệ

- Xem xét, đánh giá kỹ trước khi quyết định các dự án đầu tư hoặc tiếp nhận các dự án đầu tư của các doanh nghiệp nhằm lựa chọn được công nghệ sản xuất sạch thân thiện với môi trường; không tiếp nhận những dự án có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng vào các KCN, CCN.

- Ứng dụng các mô hình, công nghệ xử lý ô nhiễm môi trường như: nước thải, khí thải, rác thải và chất thải rắn của các cơ sở khám chữa bệnh, cơ sở sản xuất và các khu

dân cư, tồn dư thuốc bảo vệ thực vật... phù hợp với loại hình hoạt động, hợp lý về giá thành và đảm bảo về môi trường.

- Áp dụng các mô hình sản xuất sạch hơn vào các cơ sở sản xuất nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế và giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

- Thực hiện vận hành thường xuyên đối với các cơ sở đã có hệ thống xử lý nước thải.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Kiến nghị UBND tỉnh và Sở Tài nguyên và Môi trường:

- Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thi hành pháp luật về BVMT đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh thuộc thẩm quyền quản lý hoạt động trên địa bàn huyện.

- Tăng cường công tác tập huấn, nâng cao trình độ cho cán bộ làm công tác môi trường trên địa bàn thành phố đến cấp xã, thị trấn.

- Hỗ trợ kinh phí xây dựng một số mô hình điểm về xử lý nước thải nuôi trồng thủy sản cho các xã ven biển.

- Phối hợp triển khai nhiệm vụ thu gom, vận chuyển, xử lý bao gói thuốc BVTV sau sử dụng trên địa bàn.

- Tăng nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường hàng năm cho huyện Gio Linh, đặc biệt nguồn kinh phí để giảm thiểu và xử lý kịp thời các vấn đề môi trường phát sinh.

Vậy, UBND huyện báo cáo để Sở Tài nguyên và Môi trường được biết, hướng dẫn thực hiện. / U

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- CT, các PCT UBND huyện;
- Lưu: VT.



Phan Văn Hòa

PHỤ LỤC

Phụ lục I. Các nguồn ô nhiễm.

Phụ lục II. Quản lý chất thải và phế liệu.

Phụ lục III. Thống kê tình hình phát sinh, xử lý nước thải sinh hoạt phát sinh trên địa bàn.

Phụ lục IV. Công tác bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học.

Phụ lục V. Hồ sơ môi trường đã phê duyệt/cấp trong năm.

Phụ lục VI. Kết quả thanh, kiểm tra và xử lý vi phạm trong năm.



Phụ lục I.

Các nguồn ô nhiễm

(Kèm theo Báo cáo số: 74/BC-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2024 của UBND huyện)

Bảng 1. Danh mục các xã/thị trấn thuộc huyện

TT	Tên đô thị	Dân số (người)	Lượng nước thải sinh hoạt phát sinh (m ³ /ngày đêm)	Hệ thống xử lý nước thải tập trung (Số lượng: m ³ /ngày đêm)	Tỷ lệ nước thải sinh hoạt được xử lý tại hệ thống xử lý nước thải tập trung (%)	Tỷ lệ nước thải sinh hoạt được xử lý tại chỗ theo quy chuẩn kỹ thuật môi trường (%)	Kết quả quan trắc
1	Thị trấn Gio Linh	8.699	696	Chưa có	0%	Không xác định	Bảng 5 trong báo cáo tổng hợp
2	Thị trấn Cửa Việt	5.490	439	Chưa có	0%	Không xác định	

Bảng 2. Danh mục các cụm công nghiệp (viết tắt là CCN)

TT	Tên CCN đang hoạt động	Địa chỉ	Diện tích (ha)	Tên chủ đầu tư kinh doanh hạ tầng	Số lượng cơ sở đang hoạt động trong CCN	Tỷ lệ tập đầy (%)	Hệ thống thu gom nước mưa (có/không)	Xử lý nước thải		Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục (ghi rõ thông số)	Tổng lượng CTR phát sinh		Công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường	Tỷ lệ cây xanh
								Tổng lượng nước thải phát sinh (thực tế) (m ³ /ngày)	Công suất thiết kế của HTXLNT (m ³ /ngày)		Sinh hoạt (tấn/năm)	Công nghiệp thường (tấn/năm)		
Huyện Gio Linh hiện có CCN Đồng Gio Linh (70 ha); CCN thị trấn Gio Linh (24,1 ha) nhưng đang nằm trong diện quy hoạch, chưa đưa vào hoạt động.														

Bảng 4. Danh mục các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường

TT	Tên cơ sở hoạt động	Số QĐ phê duyệt báo cáo ĐTM, xác nhận bảo vệ MT; Giấy phép môi trường (nếu có)	Nước thải		Khí thải		Tổng lượng CTR phát sinh			Công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường (nếu có)
			Tổng lượng nước thải phát sinh (m ³ /ngày đêm)	Hệ thống quan trắc tự động, (nếu có)	Lượng khí thải phát sinh (m ³ /giờ)	Hệ thống quan trắc tự động (nếu có)	Sinh hoạt (tấn/năm)	Công nghiệp thông thường	Nguy hại (kg/năm)	
1	Chợ Cầu	Giấy phép môi trường số 82/GPMT-UBND ngày 04/10/2024 của UBND tỉnh.	7	Không	-	Không	18,25	54,75 (kg/năm)	-	Có
2	Trung tâm Y tế huyện	Quyết định số 2778/QĐ-UBND ngày 19/12/2014 của UBND tỉnh.	5	Không	-	Không	23,73	-	2.190	Có
3	Nhà máy sản xuất gỗ MDF VRG Quảng Trị	Quyết định số 1102/QĐ-UBND ngày 21/6/2013 của UBND tỉnh.	18	Không	-	Không	1,83	100 m ³ /tháng	-	Có
4	Nhà máy sản xuất nguyên vật liệu hàn, chế biến quặng titan sa khoáng và nghiền Zircon siêu mịn.	Giấy phép môi trường số 111/GPMT-UBND ngày 24/01/2023 của UBND tỉnh	12	Không	-	Không	1,095	3,650 (tấn/năm)	36,5	Có
5	Nhà máy sản xuất vật liệu xây dựng Trường Danh – Công ty Cổ phần Trường Danh	Thông báo số 33/TB-UBND ngày 24/3/2014 của UBND huyện Gio Linh về việc chấp nhận đăng ký cam kết BVMT.	2,5	Không	-	Không	0,365	Không đáng kể	12	Có
6	Bãi rác tập trung huyện	Quyết định số 143/QĐ-UBND ngày 29/1/2013 của UBND tỉnh.	132	Không	-	Không	14,600	-	-	Có
7	Cơ sở chế biến gỗ Tam Hiệp	Giấy phép môi trường số 2142/GPMT-UBND ngày 05/12/2023 của UBND huyện Gio Linh.	7	Không	-	Không	17	-	-	Có

8	Nhà máy sản xuất vật liệu xây dựng Trường Danh - Chi nhánh công ty Cổ phần Trường Danh	Quyết định số 2974/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 của UBND tỉnh.	33	Không	-	Không	2,6	-	0,15	Cổ
9	Công ty CP Bình Điền Quảng Trị	Quyết định số 4454/QĐ-UBND ngày 28/12/2021 của UBND tỉnh.	11	Không	-	Không	10,2	-	-	Cổ

Phụ lục II.**Quản lý chất thải và phế liệu**

(Kèm theo Báo cáo số: 744/BC-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2024 của UBND huyện)

(Áp dụng đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ ngoài khu kinh tế, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp)

Bảng 1. Các cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt

TT	Tên	Địa chỉ	Giấy phép môi trường	Công nghệ xử lý chính	Công suất Phạm vi tiếp nhận CTRSH	Tình trạng hoạt động	Ghi chú
1	Bãi chôn lấp CTR huyện Gio Linh	Xã Phong Bình	Quyết định số 143/QĐ-UBND ngày 29/1/2013 của UBND tỉnh về việc phê duyệt báo cáo ĐTM	Chôn lấp hợp vệ sinh	- Công suất thiết kế: 40 tấn/ngày - Công suất thực tế: 45 tấn/ngày - Phạm vi tiếp nhận: Toàn địa bàn huyện Gio Linh	Đang hoạt động	

Bảng 2. Các cơ sở xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường

TT	Tên cơ sở	Địa chỉ	Giấy phép môi trường (hoặc GXN hoàn thành công trình BVMT hoặc giấy tờ tương đương)	Công nghệ xử lý chính	Công suất (tấn/ ngày)	Phạm vi tiếp nhận CTRCNTT	Ghi chú
Chất thải rắn công nghiệp thông thường trên địa bàn huyện Gio Linh được thu gom và xử lý chung với CTR sinh hoạt							

Bảng 3. Các cơ sở xử lý chất thải nguy hại

TT	Tên cơ sở	Địa chỉ trụ sở chính/ địa chỉ cơ sở sản xuất	Giấy phép môi trường (hoặc Giấy phép xử lý CTNH)	Công suất, công nghệ xử lý chất thải (gồm cả số liệu xử lý CTRSH, CTRCNTT nếu có)	Vùng thu gom, tiếp nhận xử lý CTNH	Ghi chú
Huyện Gio Linh không có cơ sở xử lý chất thải nguy hại						

Bảng 4. Các khu xử lý chất thải rắn trên địa bàn (nếu có)

TT	Tên	Địa chỉ	Đơn vị vận hành	Công nghệ xử lý chính	Công suất xử lý đối với từng loại CTRSH, CTRCNTT, CTNH (tấn/ngày)	Ghi chú
Huyện Gio Linh không có các khu xử lý chất thải rắn						

Bảng 5. Các cơ sở nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất (nếu có)

TT	Tên cơ sở	Địa chỉ trụ sở chính/ địa chỉ cơ sở sản xuất	Giấy phép môi trường (hoặc Giấy xác nhận đủ điều kiện bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu)	Khối lượng phế liệu nhập khẩu theo từng nhóm phế liệu (Sắt thép, giấy, nhựa, đồng, nhôm...)	Ghi chú
Huyện Gio Linh không có các cơ sở nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất					

Bảng 6. Tình hình phát sinh, thu gom, xử lý chất thải trên địa bàn

TT	Loại chất thải	Khối lượng phát sinh (Tấn/năm)	Khối lượng thu gom, vận chuyển (Tấn/năm)	Khối lượng xử lý (Tấn/năm)	Tỷ lệ chất thải phải chôn lấp/hóa rắn	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt	18.615	16.470	16.470	88%	
1.1	<i>Khu vực đô thị</i>	8.115	8.115	8.115	100%	
1.2	<i>Khu vực nông thôn</i>	10.500	8.355	8.355	80%	
2	Chất thải rắn công nghiệp thông thường					
2.1	<i>CTRCNTT tái sử dụng, tái chế, làm nguyên liệu sản xuất.</i>	2.742	2.742	2.742	-	
2.2	<i>Chất thải rắn công nghiệp thông thường phải tiêu hủy (đốt, chôn lấp...)</i>	50	50	50	100%	
3	Chất thải nguy hại	8,5	7,65	7,65	90%	
4	Chất thải y tế nguy hại	3,65	3,65	3,65	0%	

Phụ lục III.

Thống kê tình hình phát sinh, xử lý nước thải sinh hoạt phát sinh trên địa bàn
(Kèm theo Báo cáo số: 744./BC-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2024 của UBND huyện)

TT	Tên đô thị	Lượng nước thải sinh hoạt phát sinh (m ³ /ngày đêm)	Tổng lượng nước thải sinh hoạt được xử lý tại hệ thống xử lý nước thải tập trung (m ³ /ngày đêm)	Tổng lượng nước thải sinh hoạt được xử lý tại công trình, thiết bị xử lý chất thải tại chỗ đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường
1	Thị trấn Gio Linh	696	Chưa có	Không xác định
2	Thị trấn Cửa Việt	439	Chưa có	Không xác định

Phụ lục IV.**Công tác bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học***(Kèm theo Báo cáo số: 741/BC-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2024 của UBND huyện)***Bảng 1. Danh mục số lượng và diện tích di sản thiên nhiên, khu bảo tồn, hành lang đa dạng sinh học, cơ sở bảo tồn**

TT	Khu bảo tồn		Di sản thiên nhiên		Hành lang đa dạng sinh học		Cơ sở bảo tồn	
	Số lượng	Diện tích	Số lượng	Diện tích	Số lượng	Diện tích	Số lượng	Diện tích
Huyện Gio Linh không có di sản thiên nhiên, khu bảo tồn, hành lang đa dạng sinh học, cơ sở bảo tồn								

Bảng 2. Danh mục loài nguy cấp quý hiếm cần ưu tiên bảo vệ

TT	Tên loài
Huyện Gio Linh không có loài nguy cấp quý hiếm cần ưu tiên bảo vệ	

Bảng 3. Danh mục các loài đặc hữu

TT	Tên loài
Huyện Gio Linh không có các loài đặc hữu	

Bảng 4. Danh mục các loài bị đe dọa theo Sách đỏ Việt Nam và Danh lục đỏ của IUCN

TT	Tên loài
Huyện Gio Linh không có các loài bị đe dọa theo Sách đỏ Việt Nam và Danh lục đỏ của IUCN	

Phụ lục V.**Hồ sơ môi trường đã phê duyệt/cấp trong năm 2024***(Kèm theo Báo cáo số: 741./BC-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2024 của UBND huyện)*

TT	Tên Dự án	Số Quyết định phê duyệt	Tên Cơ quan phê duyệt	Ngày ký	Ghi chú
1	Khu giáo dục trải nghiệm Trung Vương Garden	268/GPMT-UBND	UBND huyện	29/01/2024	GPMT
2	Nhà máy sản xuất phân bón hữu cơ Sepon	428/GPMT-UBND	UBND huyện	26/02/2024	GPMT
3	Ứng dụng máy móc thiết bị vào sản xuất than củi từ vỏ trái sầu phế thái	867/GPMT-UBND	UBND huyện	08/04/2024	GPMT
4	Xây dựng hoàn trả trạm y tế xã Linh Trường	971/GPMT-UBND	UBND huyện	15/04/2024	GPMT
5	Nhà máy May, in, thêu xuất khẩu Gio Linh	35/GPMT-UBND	UBND tỉnh	27/5/2024	GPMT
6	Cửa hàng xăng dầu Bến Sanh	2383/GPMT-UBND	UBND huyện	26/08/2024	GPMT
7	Nạo vét khu neo đậu tránh trú bão kết hợp Cảng cá Bắc Cửa Việt kết hợp thu hồi sản phẩm sau nạo vét theo hình thức xã hội hóa	2163/GPMT-UBND	UBND huyện	02/08/2024	GPMT
8	Bãi tập kết, luân chuyển vật liệu xây dựng tại thôn Vinh Quang Hạ, xã Gio Quang	2909/GPMT-UBND	UBND huyện	16/10/2024	GPMT
9	Bãi tập kết, luân chuyển vật liệu xây dựng tại thôn Vinh Quang Hạ, xã Gio Quang	2910/GPMT-UBND	UBND huyện	16/10/2024	GPMT
10	Trạm trộn bê tông nhựa nóng	2839/GPMT-UBND	UBND huyện	10/09/2024	GPMT
11	Xây dựng hệ thống thu gom xử lý nước thải chợ Cầu, huyện Gio Linh (giai đoạn 2)	82/GPMT-UBND	UBND tỉnh	04/10/2024	GPMT
12	Sân tập Golf Quảng Trị	3252/GPMT-UBND	UBND huyện	18/11/2024	GPMT
13	Trang trại chăn nuôi heo Trung Sơn tại xã Trung Sơn, huyện Gio Linh	102/GPMT-UBND	UBND tỉnh	25/11/2024	GPMT

Phụ lục VI.**Kết quả thanh, kiểm tra và xử lý vi phạm trong năm 2024***(Kèm theo Báo cáo số: 741./BC-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2024 của UBND huyện)*

TT	Tên cơ sở	Địa chỉ	Số tiền xử phạt vi phạm hành chính (triệu đồng) (nếu có)	Các vi phạm chính	Ghi chú

